

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **68**/2019/HS-ST
Ngày: 30/10/ 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Ông Điều Toàn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2019/HSST ngày 14/10/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HS ngày 16/10/2019 đối với bị cáo:

Bùi Đức T, sinh ngày 28/10/1963 tại Bình Thuận; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: 112/ phường y, quận x, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Tá S (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị P (đã chết); Bị cáo có vợ tên Hoàng Thị M, sinh năm 1960 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 1994; Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 03/01/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

+ Ngày 12/8/2008 bị Tòa án nhân dân quận x, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 8 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy;

+ Ngày 26/02/2016 bị Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh xử A
Về nhân thân:

+ Ngày 26/6/1987 bị Tòa án nhân dân quận , thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Ngày 02/3/1989 bị Tòa án nhân dân quận X, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích;

+ Ngày 28/3/1996 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, cho hưởng án treo về tội Cường đoạt tài sản công dân, Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo là phạm nhân đang chấp hành án theo bản án số 89/2016/HS-ST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987 (có mặt).

Là phạm nhân đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Tổng Lê Chân.

- Người làm chứng:

Anh Trần Đức T1, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Là phạm nhân đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Tổng Lê Chân.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 40 phút ngày 11/02/2019 trong lúc Bùi Đức T và Nguyễn Văn S đang lao động tại xưởng gia công thuộc đội 1, Phân trại số 1, trại giam Tổng Lê Chân, T nhớ lại chuyện trước đó bị S chửi và thách thức đánh nhau nên T nảy sinh ý định đánh S trả thù. T lấy một cây kéo do trại để cấp cho phạm nhân dùng làm công cụ sản xuất (kéo cắt vải), sau đó Thu mở ốc chốt của cây kéo ra và lấy một lưỡi kéo dẫu vào cạp quần của T ở trước bụng và đi đến vị trí S làm việc. Trong lúc S đang cúi xuống sửa máy thì T đến và vỗ vào vai của S nói “ Chuyện tao với mày hôm bữa mày rủ tao đánh tay đôi, giờ mày tính sao” , S nhìn lên thấy T và đẩy T ra, bỏ chạy. T đuổi theo S được 2 đến 3 bước chân thì dùng lưỡi kéo đâm một cái từ trên xuống trúng vào bả vai phải của S, T tiếp tục dùng lưỡi kéo đâm S cái thứ 2 nhưng S dùng tay đỡ nên không trúng vào người S. Ngay lúc đó các phạm nhân khác kịp thời can ngăn và S được đưa đi cấp cứu.

Theo tài liệu có trong hồ sơ bệnh án số 2190002451 của Bệnh viện Chợ Rẫy Nguyễn Văn S vào viện ngày 11/02/2019, ra viện ngày 15/02/2019; chẩn đoán Vết thương Lung- tràn khí màng phổi; Điều trị: Đặt dẫn lưu màng phổi phải.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 192/TgT ngày 13/6/2019 của Trung tâm giám định y khoa-pháp y tỉnh Bình Phước đối với Nguyễn Văn S tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 7%.

Bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 11/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Bùi Đức T về tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Đức T phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án 89/2016/HSST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh thành hình phạt chung từ 14 năm đến 14 năm 06 tháng tù.

Bị cáo, bị hại tranh luận: Không tranh luận

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận: do bức tức từ việc trước đó bị cáo và bị hại có mâu thuẫn với nhau, bị hại đã chửi và thách đố bị cáo đánh nhau với bị hại nên bị cáo đã chuẩn bị hung khí là lưỡi kéo cắt vải bằng kim loại sắc nhọn để tấn công bị hại gây tỉ lệ tổn thương cơ thể là 17%.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Bùi Đức T về tội : “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết rõ hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi của mình mục đích là trả thù. Do đó, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử 6 lần trong đó có 3 bản án chưa được xóa án tích và hiện là phạm nhân đang chấp hành án, bị cáo không chấp hành tốt nội quy của trại giam, do bị cáo đang chấp hành án nên việc bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm đó là tình tiết định khung.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt với thời gian như đề nghị trong bản luận tội phù hợp với tính chất và hậu quả của vụ án được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Đây là thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo và bị hại, không vi phạm quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Lưỡi kéo bằng kim loại dài 23cm là hung khí gây án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức T phạm tội: “ Cố ý gây thương tích”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 11 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 89/2016/HSST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh thành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời gian tính tù từ ngày 10/6/2015.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 592 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Bị cáo Bùi Đức T bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn S 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tính từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định trên số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi kéo bằng kim loại dài 23cm, mũi nhọn, phần cán được uốn cong và bọc nhựa.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005656 ngày 21/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước).

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Bùi Đức T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Liêm